Mẫu số 52 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15-11-2019
V/v "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Xuân Sơn

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Ngọc Cúc

2. Ông Huỳnh Bình

**** Thư ký ghi biên bản phiên tòa***: Ông Đặng Quang Tuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà:*** Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019 về "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc Kim O, sinh năm: 1978;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0907.606220

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Số điện thoại: 0935.143255

(Chị O có mặt, anh L xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Ngọc Kim O trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03 quyển số 01 ngày 09/02/1999. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh L chơi bài bạc, gây nợ nần, không lo cho vợ, con, mà còn kiếm chuyện gây sự, chửi bới chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Cách đây khoảng 02 năm, anh L chửi chị và đuổi chị ra khỏi nhà nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở được khoảng 01 năm thì bố và anh L đến năn nỉ chị về chung sống lại cho đến nay nhưng anh L vẫn không thay đổi tính tình. Từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay mặc dù chị và anh L ở chung nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau, mạnh ai nấy sống. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân của chị và anh L không thể hàn gắn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 13/01/2000. Cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị O tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn và đã được UBND L, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh ăn chơi, bài bạc dẫn đến nợ nần nên anh phải làm để lo trả nợ, không phụ giúp tiền bạc cho vợ, con được, dẫn đến chị O không hài lòng nên xảy ra cãi vã nhau. Nhiều lần anh muốn nói chuyện với chị O để hàn gắn nhưng chị O không đồng ý. Cách đây khoảng 02 năm do anh nóng tính nên đã đuổi chị O ra khỏi nhà, chị O bỏ về nhà cha mẹ ruột ở được hơn 01 năm, sau đó anh năn nỉ, chị O về sống chung lại được khoảng 01 năm nay. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chưa được chính quyền địa phương hòa giải nhưng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng chị O không đồng ý. Cho đến nay tuy vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng không nói chuyện, không ăn, uống chung, không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau.

Nay chị O xin ly hôn thì anh không đồng ý vì anh không muốn ly hôn và mong muốn vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ. Nếu chị O không đồng ý đoàn tụ thì vợ chồng cứ sống như hiện nay.

- Về con chung: Anh và chị O có 01 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 13/01/2000. Cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị O tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận việc và ở xa nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm*:

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầu đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự: Chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị O và anh L đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị O không còn tình cảm với anh L. Đề nghị cho chị O được ly hôn với anh L. Về quan hệ con chung: Chị O, anh L có 1 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 13/01/2000. Cháu H đã trưởng thành và có khả năng lao động, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị O phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Ngọc Kim O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh Nguyễn Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt, đương sự không hòa giải được với nhau. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án.

[2]. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn chị Lê Ngọc Kim O khởi kiện về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn L, nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Lê Ngọc Kim O là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn L là bị đơn; quan hệ pháp luật là "Ly hôn" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc Kim O và anh Nguyễn Văn L kết hôn với nhau năm 1999, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND xã L, huyện C cấp giấy chứng nhận kết hôn số 03, quyển số 01 ngày 09/02/1999 nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị O và anh L chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L ăn chơi, bài bạc dẫn đến nợ nần, từ đó phải lo làm việc để trả nợ, không chăm lo mọi mặt cho gia đình, vợ, con dẫn đến vợ chồng cãi vã nhiều lần. Chị O, anh L và

gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Trong một lần cãi nhau anh L đuổi chị O đi nên chị O bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Sau đó anh chị tự hòa giải về chung sống với nhau đến tháng 6/2019 thì tiếp tục mâu thuẫn cho đến nay. Thời gian chị O, anh L tuy sống chung nhưng không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Những mâu thuẫn trên được chị O, anh L thừa nhận và phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Tòa án đã kiên trì phân tích, khuyên bảo để chị O về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng chị O xác định không còn tình cảm với anh L và kiên quyết ly hôn. Anh L không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án làm việc. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị O và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Lê Ngọc Kim O được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[4]. Về con chung: Chị O và anh L có 01 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 13/01/2000. Cháu H đã thành niên và có khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị O, anh L không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội chị Lê Ngọc Kim O phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002094 ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị O đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89 và Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57 và 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, tiểu mục 1.1, mục 1, chương I, phần A của Danh mục án phí và lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Ngọc Kim O được ly hôn anh Nguyễn Văn L.

[2]. Về quan hệ con chung: Chị Lê Ngọc Kim O và anh Nguyễn Văn L có 01 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc H, sinh ngày 13/01/2000. Cháu H đã thành niên và có khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Lê Ngọc Kim O phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002094 ngày 05/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị O đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Ngọc Kim O được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L quyền kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND xã Bình Lợi, H. Vĩnh Cửu (01);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Võ Xuân Sơn